

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG**  
**TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/HNGĐ-ST

Ngày 30 tháng 5 năm 2022

V/v “Tranh chấp hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Anh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lương Ngọc Biên.

Bà Đinh Thị Thu Huyền.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lương Thị Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa:***  
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Mai - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2022/TLST-HNGĐ ngày 17/01/2022 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Hồ Văn T, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Nơi ĐHKHTT: Thôn H, xã Đức G, huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Nơi ĐKHKT: Thôn H, xã Đức G, huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở hiện nay: Ấp Hưng Lập B, xã Tân H, huyện Hón Q, tỉnh Bình Phước.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/01/2022, biên bản lấy lời khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Hồ Văn T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị D kết hôn ngày 14/10/2017, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân H, huyện Hớn Q, tỉnh Bình Phước. Sau khi kết hôn chị D về làm dâu, ở chung cùng gia đình anh ở xã Tân L, huyện Hớn Q, tỉnh Bình Phước. Ban đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị D đi làm công ty không còn quan tâm chăm sóc đến chồng con và gia đình chồng, ít khi về nhà nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần. Từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung. Đến tháng 10/2020 anh và chị Dung về sinh sống tại thôn H, xã Đức G, huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang. Khi về Bắc Giang sinh sống, chị D và anh vẫn không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chung sống cùng anh ở Bắc Giang được khoảng 1 tháng, đến tháng 11/2020 chị D đã bỏ đi nơi khác sinh sống và ly thân với anh. Từ đó đến nay anh không rõ chị D ở đâu, làm gì. Anh và chị D thì thoảng có liên hệ điện thoại với nhau nhưng chị D chỉ hỏi thăm con chứ không cho anh rõ địa chỉ cụ thể hiện tại của chị D. Anh hỏi thì lúc chị D bảo ở nhà bố mẹ đẻ chị D, lúc chị D bảo chị đi làm ăn ở nơi khác. Anh sẽ về liên hệ và cung cấp địa chỉ hiện tại của chị Dung và thông tin người thân của chị D ở tỉnh Bình P cho Tòa án sau. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị D không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị D

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Hồ Duy K, sinh ngày 11/8/2018. Hiện nay cháu K đang ở cùng anh ở thôn H, xã Đức G, huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang. Nay ly hôn, anh đề nghị giao con chung Hồ Duy K cho anh trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng vì thực tế cháu ở với anh từ nhỏ đến giờ, do anh và bố mẹ anh chăm sóc cháu. Chị D ít chăm sóc và gần gũi con. Về cấp dưỡng nuôi con chung thì anh không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Hiện nay anh đang làm nhân viên lễ tân tại khách sạn Hương S ở thành phố Bắc Giang, thu nhập của anh hàng tháng là 16.000.000 đồng/01 tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng đất nông nghiệp: Anh chị không có gì nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án sau này anh cung cấp hiện nay chị D đang sinh sống ở nhà bố mẹ đẻ chị tại Ấp Hưng Lập B, xã Tân H, huyện Hớn Q, tỉnh Bình Phước.

Do anh bận công việc, đồng thời anh đã có lời khai đầy đủ và tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án nên anh đề nghị được vắng mặt trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa anh và chị Nguyễn Thị D.

Chị Nguyễn Thị D có hộ khẩu thường trú Thôn H, xã Đức G, huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang nhưng hiện nay đang sinh sống ở nhà bố mẹ đẻ chị Ấp Hưng Lập B, xã Tân H, huyện Hón Q, tỉnh Bình Phước nên Tòa án đã tiến hành ủy thác thu thập chứng cứ đối với Tòa án nhân dân huyện Hón Q, tỉnh Bình Phước về việc yêu cầu giao thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng và lấy lời khai của chị Nguyễn Thị D.

*Sau khi thu thập tài liệu chứng cứ đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Dung, chị Dung có lời khai như sau:* Chị và anh Hồ Văn T, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn H, xã Đức G, huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang kết hôn ngày 14/10/2017, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân H, huyện Hón Q, tỉnh Bình Phước. Sau khi kết hôn chị về làm dâu, sinh sống cùng anh Tuấn và gia đình anh Tuấn ở xã Tân L, huyện Hón Q, tỉnh Bình Phước khoảng 06 tháng. Sau đó thì chị và anh T chuyển ra xã Tân H, huyện Hón Q nhà mẹ đẻ chị sinh sống đến năm 2021. Ban đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không lo làm ăn, không phụ giúp chị để nuôi con dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau, tình cảm vợ chồng rạn nứt. Đến tháng 10/2020 khi chị đang đi làm thì anh T đưa con về sinh sống tại thôn H, xã Đức G, huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang sinh sống. Sau đó, chị có ra Bắc Giang sinh sống cùng anh T, mục đích là để đưa con về, nhưng gia đình anh T và anh T không cho chị mang con theo nên chị không đưa con về cùng chị được. Chị và anh T ly thân và không còn chung sống từ tháng 10/2020 cho đến nay. Trong suốt thời gian ly thân, chị và anh T có liên lạc nhưng mục đích là để hỏi thăm con chung, vợ chồng không còn quan

tâm, chia sẻ với nhau. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng với anh T không còn, anh T xin ly hôn với chị, chị đồng ý ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là cháu Hồ Duy K, sinh ngày 11/8/2018. Hiện nay cháu K đang ở cùng anh T ở thôn H, xã Đức G, huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang. Ly hôn, chị đề nghị giao con chung Hồ Duy K cho chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện nay chị đang làm công nhân ở công ty thuộc Khu công nghiệp Minh H, thu nhập của chị hàng tháng từ 8.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng/01 tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng đất nông nghiệp: Chị và anh T không có gì nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Chị đồng ý Tòa án nhân dân huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang là nơi giải quyết vụ án ly hôn giữa anh T và chị. Do điều kiện ở xa, nên chị không thể đến Tòa án nhân dân huyện Yên D nên chị xin được vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án ly hôn giữa anh T và chị.

Tại phiên tòa, anh T và chị D đều xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử công bố nội dung vụ án, thông qua đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai của anh T, chị D và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ quy định của BLTTDS.

Đối với việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, 227, 228, 271, 273 BLTTDS Xử:

-Về quan hệ hôn nhân: Anh Hồ Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị D.

-Về con chung: Giao con chung là cháu Hồ Duy K, sinh ngày 11/8/2018 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị D có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị thực hiện quyền này

- Về án phí: Anh Hồ Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận anh T đã nộp đủ.

-Kiến nghị khắc phục: không.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là Hồ Văn T; bị đơn là chị Nguyễn Thị D đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh T, chị D.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Hồ Văn T là nguyên đơn có đơn xin ly hôn chị Nguyễn Thị D, chị D có hộ khẩu thường trú tại Thôn H, xã Đức G, huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang.

[3]. Về nội dung:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hồ Văn T và chị Nguyễn Thị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân H, huyện Hón Q, tỉnh Bình Phước vào ngày 14/10/2017. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh T chị D là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống của anh T chị D: Anh T chị D đều xác định ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Anh T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do chị D đi làm công ty không còn quan tâm chăm sóc đến chồng con và gia đình chồng, ít khi về nhà nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần. Từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung; phía chị D cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không lo làm ăn, không phụ giúp vợ để nuôi con dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau, tình cảm vợ chồng rạn nứt. Cả hai bên đều thừa nhận vợ chồng đã ly thân

từ cuối năm 2020 cho đến nay. Anh T xin ly hôn chị D, chị D cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn anh T.

Tòa án đã tiến hành ủy thác để xác minh tại Ấp Hưng Lập B, xã Tân H, huyện Hớn Q, tỉnh Bình Phước về quá trình chung sống của anh T và chị D tại đó: Trưởng ấp Hưng Lập B, xã Tân H cung cấp anh T chị D có thời gian sinh sống tại đây, sống tại nhà mẹ đẻ chị D. Tuy nhiên, hiện nay anh T không còn sinh sống ở đây nữa. Quá trình chung sống ở đây thì anh T chị D mâu thuẫn thế nào địa phương không rõ, chỉ biết hiện nay hai bên không chung sống cùng nhau nữa.

Qua xác minh tại Thôn H, xã Đức G thì thấy: Anh T chị D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn H, xã Đức G, huyện Yên D vào năm 2021, địa phương được biết anh T chị D kết hôn ở Bình Phước và chung sống ở đó cùng gia đình. Khoảng tháng 10/2020 anh T cùng chị D và gia đình anh T về xã Đức Giang sinh sống. Chị D sinh sống ở đây được khoảng 01 tháng thì bỏ đi không chung sống với anh T nữa. Quá trình chung sống ở đây, địa phương thấy anh T chị D thường xuyên xảy ra cãi nhau, còn cụ thể về vấn đề gì địa phương không nắm rõ. Nay, anh T xin ly hôn chị D, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, chứng tỏ hôn nhân giữa anh T chị D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh T và chị D được ly hôn.

[3.2]. Về con chung: Anh T và chị D có 01 con chung là cháu Hồ Duy K, sinh ngày 11/8/2018. Hiện nay cháu K đang ở cùng anh T ở Thôn H, xã Đức G, Yên D, tỉnh Bắc Giang. Nay ly hôn, anh T đề nghị Tòa án giao con chung là cháu K cho anh tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; phía chị D không đồng ý để anh T nuôi con chung là cháu K, chị cũng đề nghị Tòa án giao cháu K cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về yêu cầu này của anh T, chị D. Hội đồng xét xử thấy: Cháu K hiện đang sinh sống ổn định cùng anh T tại Thôn H, xã Đức G. Hiện nay, anh T làm nhân viên lễ tân tại khách sạn Hương Sen ở thành phố Bắc Giang, thu nhập của anh hàng tháng là 16.000.000 đồng/01 tháng, đồng thời anh T lại sinh sống cùng bố mẹ anh T, bố mẹ anh hỗ trợ cùng anh chăm sóc cháu K. Về phía chị D làm công nhân, từ năm 2020 đã không còn bên cạnh để chăm sóc, nuôi dạy con chung

cùng anh T, một mình anh T vẫn nuôi dạy con chung đảm bảo từ đó đến nay. Đồng thời theo địa phương anh T rất quan tâm, chăm sóc, yêu thương con chung và đề nghị Tòa án tiếp tục giao con chung cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng.

Do vậy, để cháu K được phát triển tốt nhất về thể chất cũng như tinh thần và để đảm bảo cuộc sống, việc học tập của cháu được ổn định, không bị xáo trộn thì Hội đồng xét xử căn cứ điều 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình giao cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu K.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung, đây là sự tự nguyện của anh T nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị D được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh, chị thực hiện quyền này là phù hợp với các điều 58, 82 Luật hôn nhân gia đình.

[3.3]. Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp: Anh T và chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí: Anh Hồ Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hồ Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị D.

2. Về con chung: Giao cho anh Hồ Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Hồ Duy K, sinh ngày 11/8/2018. Chị D có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị D thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Anh Hồ Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0009384 ngày 17/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng. Xác nhận Anh T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- UBND xã Tân Hưng, huyện Hón Quảng, tỉnh Bình Phước;
- Lưu HS, Vp.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Anh**